

Kh¹a h c :	L p h c : 35CCĐ6	N¹m h c : 2013-2014	ñ VHT : 4 (60,0,0,0,0,0)
H ñT :	H c ph n : 131017301304 - Thi t k C u	H c km : HK01	

STT	Mí S	L P SV	H Ñi T c N	NGÀY SINH	ñI M THñ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñI M THI	QUY TS : 70%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571011793	35CCĐ6	Cao Vññ Cát	14/06/1992				5.0	8.0	8.0	7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
2	3571011275	35CCĐ6	Nguy n Thññ Công	06/11/1993				7.0	6.0	8.0	7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
3	3571011344	35CCĐ6	L² Qu c C ñg	13/03/1993				7.0	7.0	8.0	7.3	2.2	4.0	2.8	5.0	N HP
4	3571011373	35CCĐ6	Ph m B o Chóc	08/03/1993				7.0	8.0	8.0	7.7	2.3	7.5	5.3	7.5	
5	3571011347	35CCĐ6	Ki u ñññ Đñğ	09/10/1993				6.0	7.0	8.0	7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
6	3571011426	35CCĐ6	Nguy n Vññ Đñğ	10/03/1991				5.0	8.0	8.0	7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
7	3571011294	35CCĐ6	Lê Xuân ñ t	26/09/1993				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	N HP
8	3571011281	35CCĐ6	L² Vññ ñ oñ	25/07/1993				7.0	8.0	8.0	7.7	2.3	7.0	4.9	7.2	
9	3571011366	35CCĐ6	Nguy n Kh c ñ c	25/08/1993				4.0	4.0	7.0	5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
10	3571011441	35CCĐ6	Tññg Ng c Giang	02/09/1992				4.0	4.0	7.0	5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
11	3571011801	35CCĐ6	Lê Thành Hi u	09/02/1992				5.0	5.0	6.0	5.3	1.6	7.0	4.9	6.5	
12	3571011239	35CCĐ6	Qu-ñg ñ i Trung Hi u	02/09/1993				6.0	8.0	7.0	7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
13	3571011349	35CCĐ6	V½Qu c Hi u	29/07/1993				5.0	8.0	7.0	6.7	2.0	7.0	4.9	6.9	
14	3571011313	35CCĐ6	Lê Minh Hoa	02/02/1993				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
15	3571011815	35CCĐ6	Phan Công H p	12/04/1993				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	6.8	4.8	7.1	
16	3571011283	35CCĐ6	L² Qu c Hùng	05/12/1993				5.0	6.0	8.0	6.3	1.9	6.8	4.8	6.7	
17	3571011816	35CCĐ6	Nguy n Qu c H ñg	05/05/1990				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
18	3571011341	35CCĐ6	L² Nguy n Tu n Khanh	28/10/1993				8.0	7.0	6.0	7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
19	3571011417	35CCĐ6	ñ L² Hoñg Khánh	06/01/1993				6.0	8.0	8.0	7.3	2.2	9.0	6.3	8.5	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ6 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 131017301304 - Thi t k C u H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H ấ V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571011354	35CCĐ6	V ấ c Long	26/08/1993				8.0	8.0	8.0	8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
21	3571011384	35CCĐ6	Nguy n Th ấ i L ng	21/10/1993				7.0	6.0	7.0	6.7	2.0	7.0	4.9	6.9	
22	3571011231	35CCĐ6	Nguy n Ng c Ly	20/07/1993				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
23	3571011803	35CCĐ6	Hu nh V ấ t M	02/06/1993				7.0	8.0	8.0	7.7	2.3	7.0	4.9	7.2	
24	3571011258	35CCĐ6	ấ inh Cao Nguy ấ n	15/02/1992				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	7.0	4.9	6.9	
25	3571011255	35CCĐ6	Lê Thành Nhân	11/11/1993				6.0	8.0	8.0	7.3	2.2	7.0	4.9	7.1	
26	3571011372	35CCĐ6	Hu nh T n Nh t	20/05/1993				10.0	10.0	8.0	9.3	2.8	9.0	6.3	9.1	
27	3571011240	35CCĐ6	Nguy n Chi m Nh t	15/06/1993				7.0	5.0	7.0	6.3	1.9	7.0	4.9	6.8	N HP
28	3571011409	35CCĐ6	Ph m V ấ Phong	08/04/1991				6.0	7.0	8.0	7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
29	3571011401	35CCĐ6	Hu nh Minh Quang	19/05/1992				5.0	6.0	8.0	6.3	1.9	6.5	4.6	6.5	
30	3571011804	35CCĐ6	T ấ ấ i Duy Quang	12/03/1992				7.0	6.0	8.0	7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
31	3571011376	35CCĐ6	Nguy n Minh Quy t	15/12/1991				8.0	9.0	8.0	8.3	2.5	7.0	4.9	7.4	
32	3571011292	35CCĐ6	Hu nh Tr ng Ph c Sang	19/10/1993				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
33	3551010060	35CCĐ6	Ph ấ ng Kh c Anh Tài	21/05/1993				5.0	6.0	8.0	6.3	1.9	6.8	4.8	6.7	
34	3571011273	35CCĐ6	Nguy n H u T n	12/08/1993				6.0	5.0	7.0	6.0	1.8	8.5	6.0	7.8	N HP
35	3571011279	35CCĐ6	Nguy n Huy Toàn	01/01/1993				5.0	6.0	8.0	6.3	1.9	7.0	4.9	6.8	N HP
36	3571011395	35CCĐ6	Tr n V ấ Toán	30/06/1993				9.0	7.0	8.0	8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
37	3571011222	35CCĐ6	Nguy n Duy Thanh	24/04/1993				9.0	9.0	7.0	8.3	2.5	6.8	4.8	7.3	
38	3571011251	35CCĐ6	Ph m ấ c Th o	15/08/1993				8.0	8.0	8.0	8.0	2.4	6.8	4.8	7.2	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ6 N h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 131017301304 - Thi t k C u H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấI M THI	QUY TS : 70%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571011224	35CCĐ6	Mai Trung	Thái	06/04/1993				4.0	4.0	8.0	5.3	1.6	5.5	3.9	5.5	
40	3571011233	35CCĐ6	Nguy n Qu c	Th nh	11/08/1993				8.0	7.0	8.0	7.7	2.3	6.5	4.6	6.9	
41	3571011385	35CCĐ6	Ph m Quang	Thu n	27/09/1993				8.0	7.0	8.0	7.7	2.3	7.3	5.1	7.4	
42	3571011429	35CCĐ6	Ch ^a u V ấ	Thu n	31/03/1993				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	7.0	4.9	7.4	
43	3571011398	35CCĐ6	T» V ấ	Th	21/10/1993				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	7.0	4.9	7.1	
44	3571011332	35CCĐ6	Ph ẻng Vi t	Trúc	12/12/1992				8.0	6.0	8.0	7.3	2.2	8.0	5.6	7.8	
45	3571011309	35CCĐ6	Tr ng S B	Vinh	15/06/1993				5.0	5.0	8.0	6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	

T ng s : 45 h c sinh sinh vi² n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi o Vi² n B M»n

Gi o V Khoa